

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/ 8/ 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Đ

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXX-ST ngày 11/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐ-HPT ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T - Sinh năm 1991 (có mặt).
Trú tại: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H - Sinh năm 1986 (có mặt).
Trú tại: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/4/2024 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Lường Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn H tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 10/01/2012. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống ở nhà ngoại tại bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên được một thời gian thì tôi phát hiện ra anh Hội bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh Hội vẫn không cai được ma túy. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay, Tôi và anh Hội cũng không còn quan tâm, thăm nom gì nhau.

Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Tôi và anh Lò Văn H có 01 con chung là cháu Lò H, sinh ngày 24/5/2014. Quan điểm của tôi xin được nuôi và chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 12/4/2024, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T cho anh H được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh H. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh H không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh H, nhưng anh H vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 11/7/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn H có mặt, lý do vắng lâu nay là do anh đi làm thuê không về tham gia phiên hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 5/8/2024 anh H đồng ý ly hôn, theo nguyện vọng của chị Tám, anh cũng đồng ý để cháu Lò H cho chị T chăm sóc giáo dục do bản thân có chơi bời hút chất ma túy. Còn về tài sản anh khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lường Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh Lò Văn H có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản H2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn H và chị Lường Thị T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã dân xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T cùng bản tự khai của anh H và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H và chị T tính tình

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh H có chơi bời và bị nghiện chất ma túy.

Bản thân chị T xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Quan điểm anh H đồng ý ly hôn, lâu nay anh không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là do phải đi làm thuê không xin nghỉ được. Tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý ly hôn cho chị T tìm cuộc sống mới.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T cùng anh H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại điều luật này do hai anh chị đã sống ly thân hơn nửa năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Tám cùng con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Tám xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Lò Văn H

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lò Thanh H, sinh ngày 24/5/2014. Anh H cũng đồng ý để chị T nuôi con chung và xét nguyện vọng cháu H muốn sống cùng chị T. Như vậy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, HĐXX căn cứ Điều 69, Điều 81, Điều 82 Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T và anh H. Giao con cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh H. Hội có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lò Văn H

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lò Thanh H, sinh ngày 24/5/2014. Chị Lường Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung là cháu Lò Thành H, sinh ngày 24/5/2014 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp d-ỡng nuôi con: Chị Lường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương, Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị Tám được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi gửi:

- TA ND tỉnh Điện Biên
- VKS TPĐBP
- Chi cục THADS TPĐBP
- UBND xã Ảng Tở, huyện M;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán, vp

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

